

Bản án số: 579/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 16 – 9 – 2024

“V/v ly hôn giữa
chị N và anh R”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thái Quân
- Bà Nguyễn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1990, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C, tổ G, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số C, đường H, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0366. 910. 052

2. Bị đơn: anh Đỗ Văn R, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số C, tổ G, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0866.568.195 – 0342.120.060

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2008 chị và anh Đỗ Văn R đồng ý kết hôn, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 22/02/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc, cùng đi làm và ở nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh R không chăm lo gia đình, vợ chồng cãi vã và bất đồng quan điểm sống, anh R thường hay bỏ nhà trọ đi, từ tháng 3 năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân và không hàn gắn. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị yêu cầu ly hôn anh R.

+ Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Đỗ Phương K, sinh ngày 08/07/2009 và Đỗ Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 05/10/2016, hiện tại cháu K và cháu T do anh R đang nuôi dưỡng, chị đồng ý giao 02 con cho anh R tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 06/8/2024 của cháu K và cháu T đều có nguyện vọng sống với cha.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn R (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh R.

- Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2024 của Tòa án, xác minh bà Đỗ Thị P (cô ruột của anh Đỗ Văn R) về tình trạng hôn nhân của anh R và chị N. Bà P cho biết, sau khi cưới vợ chồng anh R, chị N sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó trở về địa phương mở tiệm sửa xe, nhưng do tiền bạc, kinh tế không tốt nên vợ chồng tiếp tục đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Về mâu thuẫn vợ chồng thì bà không rõ, nhưng anh R có chơi cờ bạc gây nợ nần, theo bà đây có thể là nguyên nhân mâu thuẫn, có thời gian anh R bỏ đi hơn một năm, từ tháng 3/2017 đến nay bà và gia đình đều không liên lạc được. Tháng 6/2024 anh R có về nhà làm đám tang cho mẹ ruột (Huỳnh Thị M), bà cho anh R biết việc chị N yêu cầu ly hôn thì anh R trả lời đồng ý ly hôn, về con cái thì R không tranh chấp vì các con đã lớn muốn sống với ai thì sống. Chị N yêu cầu ly hôn anh R, bà đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết N đối với anh Đỗ Văn R theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao 02 con chung tên Đỗ Phương K, sinh ngày 08/07/2009 và Đỗ Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 05/10/2016

cho anh R nuôi, hiện tại anh R đang nuôi dưỡng, anh R không có yêu cầu cấp dưỡng, nên chị N không phải cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn R, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh R.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị N và anh R là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, anh chị có mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay và không hàn gắn, không quan tâm, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống, từ lúc chị N khởi kiện ly hôn đến nay anh R cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, người thân cũng nhận thấy chị N yêu cầu ly hôn anh R là lỗi của anh R và đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị N và anh R.

[2.2] Về nuôi con chung: chị N đồng ý giao 02 người con chung tên Đỗ Phương K, sinh ngày 08/07/2009 và Đỗ Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 05/10/2016 cho anh R nuôi, hiện tại anh R đang nuôi dưỡng cháu K và cháu T ổn định, các con cũng có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Phương K và cháu Đỗ Nguyễn Huỳnh T cho anh R nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, nhưng anh R không có yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: chị N khai không có, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Nguyễn Thị Tuyết N và anh Đỗ Văn R trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa Nguyễn Thị Tuyết N và anh Đỗ Văn R.

2. Về nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Đỗ Phương K, sinh ngày 08/07/2009 và Đỗ Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 05/10/2016 cho anh Đỗ Văn R nuôi, hiện tại anh R đang nuôi dưỡng cháu K và cháu T. Chị Nguyễn Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Tuyết N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Nguyễn Thị Tuyết N và anh Đỗ Văn R trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006678 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương